

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2025/DS-ST
Ngày: 28 tháng 5 năm 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích và bà Hồ Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh và bà Huỳnh Ngọc Minh C, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1139/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần L (sau đây được viết tắt là L1); địa chỉ trụ sở chính: L2, số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Số B - B – 218 – 220, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Quốc K – Chức vụ: Giám đốc L1; là người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo ủy quyền ủy quyền của ông Vũ Quốc K: Ông Phạm Quốc H – Chức vụ: Giám đốc L1 – Chi nhánh Đ (Theo Quyết định số 4135/2025/QĐ-LPBank.QTRR ngày 21/3/2025).

Người đại diện theo ủy quyền ủy quyền lại của ông Phạm Quốc H: Trương Ngọc T, Chức vụ: Phó Giám đốc L1 – Chi nhánh Đ kiêm Giám đốc Phòng G, ông Phạm Hồng P, Chuyên viên khách hàng, ông Huỳnh Hữu P1,

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ liên lạc: Số B – 216 – 218 – 220, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Quyết định ủy quyền số 295/2025/QĐ-LPBank.ĐT ngày 05/5/2025); ông T, ông Hồng P vắng mặt; ông Hữu P1 có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lê T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số C, Tổ I, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ngày 01/11/2022, L1 – Chi nhánh Đ và bà Nguyễn Thị Lê T2 đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD52C2C202166. Theo đó, L1 – Chi nhánh Đ cho bà T2 vay số tiền 1.650.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh cây kiểng, lãi suất là 8%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khoản vay nêu trên, được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bà T2, được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm.

L1 – Chi nhánh Đ đã giải ngân cho bà T2 đúng số tiền vay theo khế ước nhận nợ vào ngày 08/02/2022, nhưng phía bà T2 không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ của người vay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do bị đơn vắng mặt và đương sự có ý kiến, yêu cầu như sau:

- L1 yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả cho L1 tổng số tiền tính đến ngày 28/5/2025 là 1.832.952.625 (vốn 1.650.000.000 đồng, lãi trong hạn 19.001.024 đồng, lãi quá hạn 162.197.260 đồng, lãi phạt lãi 1.754.341 đồng).

Kể từ ngày 29/5/2025, cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số: HDTD52C2C202166 ngày 01/11/2022, được ký kết giữa L1 – Chi nhánh Đ với bà T2.

Trường hợp, bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì L1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số HDTC52C2C202166 ngày 31/5/2021 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T2 trả nợ gốc, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Trường hợp bà T2 không thực hiện thì nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC52C202166 ngày 31/5/2021.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* L1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T2 trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà T2 đang cư trú trên địa bàn thành phố L nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn bà T2 vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét, Hợp đồng tín dụng giữa L1 – Chi nhánh Đ với bà Nguyễn Thị Lệ T2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T2 không thực hiện

nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho L1 để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc L1 khởi kiện bà T2 yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/5/2025, với tổng số tiền 1.832.952.625, là phù hợp theo quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét chấp nhận yêu cầu của L1.

[3] Về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc:

Thấy rằng, do bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T2 thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về biện pháp bảo đảm:

Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất được Phòng C1 chứng nhận và được đăng ký tại Văn phòng Đ1 – Chi nhánh L3, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Bà T2 thế chấp tài sản nhằm bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cho nên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của L1.

[5] Về chi phí tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, L1 đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của L1 được chấp nhận nên buộc bà T2 có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng cho L1.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của L1 được chấp nhận nên bà T2 phải chịu án phí dân sự theo luật định.

L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L nợ gốc và lãi của khoản vay tính đến hết ngày 28/5/2025 như sau:

- Tiền lãi: 182.952.625 (Một trăm tám mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng;

- Tiền gốc: 1.650.000.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng;

Kể từ ngày 29/5/2025, cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà Nguyễn Thị Lệ T2 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số: HDTD52C2C202166 ngày 01/11/2022, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần L với bà Nguyễn Thị Lệ T2.

Trường hợp, bà Nguyễn Thị Lệ T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì L1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo của bà Hà Thúy D và ông Nguyễn Hoàng Anh T3 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số HDTC52C2C202166 ngày 31/5/2021, tài sản thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS17160 ngày 28/5/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Lệ T2 để thu hồi nợ vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Lệ T2 phải chịu 66.989.000 (Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.537.000 (Ba mươi một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0001717 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Chân